

TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1413/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Ninh Bình
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... 9 ...
	Ngày: .. 15/9/20 ..

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Pháp lệnh Về sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch ngày 22 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình tại Tờ trình số 97/TTr-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2020 về việc phê duyệt nhiệm vụ lập

Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm định số 4866/BC-HĐTĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh và Báo cáo số 115/BC-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của Hội đồng thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với một số nội dung chủ yếu như sau:

I. TÊN, PHẠM VI, THỜI KỲ QUY HOẠCH

1. Tên Quy hoạch: Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Phạm vi quy hoạch: Phần lãnh thổ tỉnh Ninh Bình với tổng diện tích tự nhiên là 1.386,79 km².

- Phía Bắc tiếp giáp với tỉnh Hà Nam, Nam Định.
- Phía Nam tiếp giáp với tỉnh Thanh Hóa.
- Phía Tây tiếp giáp với tỉnh Hòa Bình.
- Phía Đông tiếp giáp với tỉnh Nam Định và biển Đông.

3. Phân không gian biển:

Được xác định trên cơ sở: Luật Biển Việt Nam năm 2012; Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về việc giao các khu vực biển cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án "Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính" và các tài liệu có liên quan.

4. Thời kỳ Quy hoạch:

- Thời kỳ Quy hoạch: 2021 - 2030.
- Tầm nhìn dài hạn: Đến năm 2050.

II. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC LẬP QUY HOẠCH

1. Quan điểm:

a) Lập "Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050" phải phù hợp với mục tiêu, định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5

năm 2021 - 2025 của cả nước và tầm nhìn Việt Nam đến năm 2050; đồng thời phù hợp với tiềm năng, lợi thế, nội lực của tỉnh; phấn đấu xây dựng Ninh Bình trở thành trung tâm du lịch của vùng và của cả nước, là cực tăng trưởng phía nam của vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng duyên hải Bắc Bộ.

b) Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình nhanh và bền vững, trên cơ sở tăng cường liên kết vùng; chú trọng chất lượng tăng trưởng để đảm bảo tính bền vững, thân thiện với môi trường, năng suất lao động cao, hiệu quả, đảm bảo năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, bảo vệ tốt môi trường, phù hợp với chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và bền vững.

c) Phát triển nền kinh tế gắn liền với chuyển đổi mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng du lịch - dịch vụ, công nghiệp và nông nghiệp kỹ thuật cao, trong đó phát triển công nghiệp tập trung theo hướng ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; tăng cường tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao. Phát triển kinh tế dựa trên các nhóm ngành trọng điểm mà tỉnh đang có tiềm năng, lợi thế, phát huy vai trò giáo dục và đào tạo đặc biệt là đào tạo nghề nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ.

d) Kết hợp phát triển kinh tế với xây dựng hệ thống đô thị theo hướng đô thị “di sản, văn hóa, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường”; phát huy vai trò kinh tế ven biển dựa trên tiềm năng lợi thế, với trọng tâm là dịch vụ, du lịch sinh thái ven biển; phát triển khu công nghiệp ven biển theo quy hoạch, tạo điểm nhấn về vùng kinh tế năng động gắn với quản lý đô thị và trung tâm du lịch sinh thái ven biển Kim Sơn; phát triển nông thôn mới tiên tiến, kiểu mẫu gắn với xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại.

đ) Phát triển tỉnh bền vững gắn với phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế, tăng cường hợp tác với các tỉnh trong vùng Thủ đô Hà Nội, vùng Tây Bắc, vùng Bắc Trung Bộ và tam giác tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Từng bước thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giảm nghèo và nâng cao mức sống của nhân dân, chăm lo phát triển các hoạt động văn hóa, xã hội; bảo vệ và sử dụng hợp lý đất đai, tài nguyên, môi trường, ứng phó hiệu quả biến đổi khí hậu.

2. Nguyên tắc: Bảo đảm các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch quy định tại Điều 4 Luật Quy hoạch năm 2017.

III. MỤC TIÊU LẬP QUY HOẠCH

1. Xây dựng tỉnh Ninh Bình phát triển nhanh và bền vững; trở thành trung tâm du lịch - dịch vụ của vùng đồng bằng sông Hồng và của cả nước; phát triển công nghiệp, nông nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ cao gắn với vùng Thủ đô Hà Nội, vùng duyên hải Bắc Bộ, làm cơ sở phát triển hệ

thống các đô thị và xây dựng nông thôn mới tiên tiến, kiểu mẫu, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội; phát triển nhanh và bền vững gắn với bình đẳng, phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh.

Tầm nhìn đến năm 2050, Ninh Bình trở thành tỉnh phát triển về du lịch - dịch vụ chất lượng cao, có nền công nghiệp hiện đại, nông nghiệp thông minh và là tỉnh phát triển nhanh và bền vững dựa trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Quy hoạch tỉnh nhằm phát huy các tiềm năng, lợi thế và là cơ sở để xây dựng các kế hoạch, chương trình phát triển tỉnh Ninh Bình trở thành trung tâm du lịch của vùng và cả nước, có cơ cấu kinh tế tiên tiến; xứng đáng với vai trò là đầu mối giao lưu kinh tế - xã hội của khu vực phía nam vùng đồng bằng sông Hồng và vùng duyên hải Bắc Bộ với các vùng Tây Bắc và vùng Bắc Trung Bộ là đầu mối, là một cực tăng trưởng của hành lang kinh tế ven biển Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình nối tiếp với vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ là Hải Phòng - Quảng Ninh; có tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định, bền vững với các sản phẩm chủ lực có sức cạnh tranh; hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ; đời sống vật chất, tinh thần không ngừng được nâng cao; là khu vực phòng thủ vững chắc địa bàn trọng yếu, góp phần quan trọng giữ vững quốc phòng, an ninh cho vùng đồng bằng sông Hồng và vùng Thủ đô Hà Nội.

3. Quy hoạch tỉnh sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường để sử dụng hiệu quả các nguồn lực của đất nước phục vụ mục tiêu phát triển bền vững cho các thời kỳ xác định. Quy hoạch tỉnh Ninh Bình cụ thể hóa các quy hoạch cấp trên ở cấp tỉnh về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bố đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên cơ sở kết nối quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn

4. Quy hoạch tỉnh Ninh Bình là công cụ pháp lý quan trọng giúp cho địa phương hoạch định, kiến tạo động lực, không gian phát triển, đảm bảo tính kết nối đồng bộ giữa các quy hoạch cấp quốc gia với quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh, làm cơ sở lập quy hoạch xây dựng các vùng huyện và liên huyện; quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành; nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

5. Quy hoạch tỉnh là cơ sở để quản lý và thu hút các nguồn lực đầu tư, đẩy nhanh các khâu đột phá chiến lược phát triển tỉnh; đồng thời loại bỏ các chông chéo cản trở đầu tư phát triển trên địa bàn; cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm công khai minh bạch, công bằng trong tiếp cận các dịch vụ xã hội

cũng như phát huy tối đa hiệu lực và sử dụng bền vững các nguồn lực trong hoạt động đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

IV. NỘI DUNG LẬP QUY HOẠCH

1. Yêu cầu về nội dung lập quy hoạch

a) Định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bố nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trên cả 04 trụ cột chính là: Du lịch, thương mại, dịch vụ; công nghiệp công nghệ cao, công nghệ sạch, tiên tiến; xây dựng đô thị, phát triển nông thôn và kinh doanh bất động sản; nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ. Phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế.

b) Đảm bảo tính liên kết, đồng bộ, khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng hiện có giữa các ngành, các vùng liên huyện, các địa phương trên địa bàn tỉnh và tăng cường liên kết vùng; xác định cụ thể các khu vực sử dụng cho mục đích quân sự, quốc phòng, an ninh ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện.

c) Xây dựng và cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm sự phát triển cân bằng giữa kinh tế, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, giữ vững an ninh, quốc phòng, chủ quyền quốc gia.

d) Ứng dụng công nghệ hiện đại, số hóa, thông tin, cơ sở dữ liệu trong quá trình lập Quy hoạch; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển, hội nhập quốc tế và liên kết vùng.

2. Xác định nội dung Quy hoạch

Nội dung Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải thực hiện theo đúng các quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017 và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của địa phương.

b) Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn.

c) Đánh giá về việc thực hiện Quy hoạch thời kỳ trước.

d) Xây dựng quan điểm, xác định mục tiêu và lựa chọn các phương án phát triển, phương án quy hoạch, phương hướng phát triển các ngành quan trọng và phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh:

- Xây dựng quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh.
- Xác định phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh.
- Xây dựng và lựa chọn các phương án:
 - + Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội;
 - + Phương án quy hoạch và phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, các khu vực và khu chức năng; phương án tổ chức lãnh thổ và phân bố dân cư (thực hiện theo đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017);
 - + Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội (thực hiện theo đúng quy định tại các điểm đ, e, g, h, i, k khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017);
 - + Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện;
 - + Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện;
 - + Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng hóa sinh học trên địa bàn tỉnh;
 - + Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh;
 - + Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;
 - + Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh;
 - + Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện;
 - + Giải pháp, nguồn lực thực hiện Quy hoạch.

đ) Các nội dung đề xuất nghiên cứu:

Các nội dung được tích hợp vào quy hoạch tỉnh Ninh Bình được nghiên cứu đề xuất đảm bảo Quy hoạch được thực hiện theo hướng tiếp cận tổng hợp và phối hợp đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan trong việc lập quy hoạch trên phạm vi lãnh thổ của tỉnh nhằm đạt được mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững.

V. PHƯƠNG PHÁP LẬP QUY HOẠCH

1. Yêu cầu về phương pháp lập Quy hoạch

Hệ thống các phương pháp lập Quy hoạch phải đảm bảo tính tiếp cận tổng hợp, khoa học, phù hợp với thực tiễn, đa chiều, đa lĩnh vực và ứng dụng công nghệ hiện đại.

2. Các phương pháp lập Quy hoạch

- Tích hợp quy hoạch.
- So sánh đối chiếu, lồng ghép bản đồ với việc áp dụng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin địa lý (GIS).
- Dự báo phát triển và quy hoạch chiến lược.
- Phân tích hệ thống, đánh giá tổng hợp, so sánh, mô hình tối ưu.
- Chuyên gia, hội nghị, hội thảo.
- Tiếp cận từ thực địa.
- Nghiên cứu tại bàn.
- Các phương pháp khác phù hợp với quy trình kỹ thuật lập Quy hoạch tỉnh.

VI. THÀNH PHẦN, CHI PHÍ VÀ TIẾN ĐỘ LẬP QUY HOẠCH

1. Thành phần hồ sơ

a) Phần văn bản

- Tờ trình thẩm định và phê duyệt Quy hoạch tỉnh.
- Dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh.
- Báo cáo Quy hoạch tỉnh gồm Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt và các báo cáo liên quan; các phụ lục, sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về Quy hoạch.
- Báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) (thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường).
- Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan khác.

b) Hệ thống bản đồ và sơ đồ:

Danh mục và tỷ lệ bản đồ Quy hoạch tỉnh quy định tại Mục IX Phụ lục I Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ, gồm:

- Bản đồ in tỷ lệ 1:250.000 - 1:1.000.000: Bản đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh Ninh Bình.
- Bản đồ số và bản đồ in, tỷ lệ 1:25.000 - 1:100.000:
- + Các bản đồ về hiện trạng phát triển;
- + Bản đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng;
- + Bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn;

- + Bản đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng;
 - + Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội;
 - + Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật;
 - + Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất;
 - + Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên;
 - + Bản đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu;
 - + Bản đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện;
 - + Bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện;
 - + Hệ thống bản đồ chuyên đề khác (nếu có).
- Bản đồ in tỷ lệ 1:10.000 - 1:25.000: Bản đồ hiện trạng và định hướng phát triển khu vực trọng điểm của tỉnh (nếu có).

2. Chi phí lập quy hoạch: Thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Thời hạn lập quy hoạch: Trong 24 tháng kể từ ngày nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình căn cứ nội dung nhiệm vụ được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, tổ chức lập Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo phù hợp quy định của Luật Quy hoạch và các quy định hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình lập Quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình chủ động phối hợp, cập nhật thông tin với quy hoạch cấp cao hơn để điều chỉnh, bổ sung đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn, tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp quy hoạch theo quy định tại Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch năm 2017 và quy định pháp luật liên quan.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành, cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định hiện hành hướng dẫn, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình triển khai thực hiện lập Quy hoạch bảo đảm chất lượng, tiến độ và hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Tỉnh ủy, HĐND tỉnh Ninh Bình;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công T.Đ.T, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, QHĐP (2b) Huyện 11

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng

Tài liệu này được lưu trữ tại <http://matich.gov.vn>